

Số: 19/2026/NQ-HĐND

Vinh Long, ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức vay, thời hạn, lãi suất cho vay và xử lý rủi ro
trong sử dụng nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư
theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật
Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử
dụng tài sản công số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của
Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý
nhà ở xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày
26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở
về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01
tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí
điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo
việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày
26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở*

về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 261/2025/NĐ-CP và Nghị định số 54/2026/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán;

Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 655/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức vay, thời hạn, lãi suất cho vay và xử lý rủi ro trong sử dụng nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức vay, thời hạn, lãi suất cho vay và xử lý rủi ro trong sử dụng nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức vay, thời hạn, lãi suất cho vay và xử lý rủi ro trong sử dụng nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn áp dụng trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Ba thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng



QUY ĐỊNH

Mức vay, thời hạn, lãi suất cho vay và xử lý rủi ro trong sử dụng nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung liên quan đến sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, bao gồm:

1. Mức vay, thời hạn, lãi suất cho vay theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Xử lý rủi ro đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

a) Nhóm đối tượng được cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 9 Luật Việc làm số 74/2025/QH15.

b) Đối tượng vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 9 Luật Việc làm số 74/2025/QH15.

c) Khách hàng vay vốn là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng vay vốn được quy định tại Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

d) Học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam đang theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán được quy

định tại Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

đ) Khách hàng vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng hoặc cải tạo nhà ở được quy định tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 261/2025/NĐ-CP và Nghị định số 54/2026/NĐ-CP).

e) Hộ gia đình được cho vay theo quy định tại Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

g) Người sau cai nghiện ma túy, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng hoặc sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân xã, phường.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Mức vay, thời hạn, lãi suất cho vay đối với các nhóm đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Quy định này

Mức vay, thời hạn và lãi suất cho vay đối với nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này thực hiện theo các chương trình tín dụng chính sách tương ứng từ nguồn vốn Trung ương, cụ thể:

1. Nhóm đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quy định này: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng

12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

2. Nhóm đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quy định này: Thực hiện theo Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

3. Nhóm đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Quy định này: Thực hiện theo Điều 3, Điều 6, Điều 8 và Điều 9 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

4. Nhóm đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Quy định này: Thực hiện theo Điều 7, Điều 8 và Điều 10 Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

5. Nhóm đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Quy định này: Thực hiện theo khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 48 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ.

6. Nhóm đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Quy định này: Thực hiện theo Điều 6, Điều 8 và Điều 9 Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

7. Nhóm đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 Quy định này: Thực hiện theo Điều 7, Điều 9 và Điều 10 Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy.

Điều 4. Quy định khác có liên quan

1. Trường hợp mức vay, lãi suất cho vay và thời hạn cho vay của các chương trình tín dụng chính sách tương ứng từ nguồn vốn Trung ương đối với nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này có sự thay đổi (tăng hoặc giảm): Mức cho vay, lãi suất cho vay và thời hạn cho vay được áp dụng mức cho vay, lãi suất cho vay và thời hạn cho vay bằng mức cho vay, lãi suất cho vay và thời hạn cho vay điều chỉnh tương ứng theo quy định hiện hành của Trung ương.

2. Trong cùng một thời điểm, các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này đã được vay vốn từ nguồn vốn Trung ương thì không được tiếp tục hưởng chính sách vay vốn tại Quy định này từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Đối với các hạn mức cho vay, thời hạn vốn được quy định “tối đa” tại các văn bản quy định tương ứng của Trung ương khi áp dụng đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác: Mức cho vay, thời hạn vay vốn cụ thể đối với từng khách hàng do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, căn cứ vào cân đối nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

4. Trường hợp Chính phủ hỗ trợ giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khách quan khác thì lãi suất cho vay từ nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương quy định theo Quy chế/hợp đồng đã ký giữa các bên sẽ được giảm tương ứng như mức giảm lãi suất cho vay theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Các nội dung khác liên quan đối với nhóm đối tượng quy định tại Điều 3 Quy định này được thực hiện theo quy định của Trung ương và hướng dẫn nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 5. Xử lý đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh lập hồ sơ đề xuất xử lý nợ rủi ro đối với từng trường hợp cụ thể, tổng hợp đề xuất và xin ý kiến thống nhất của Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được áp dụng quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội theo từng thời kỳ.

3. Báo cáo kết quả xử lý nợ bị rủi ro

a) Định kỳ 06 tháng hoặc có yêu cầu đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo kết quả xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long về Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi.

b) Thời hạn gửi báo cáo định kỳ 6 tháng:

Báo cáo 6 tháng đầu năm: Chậm nhất ngày 30 tháng 7 của kỳ báo cáo;

Báo cáo 6 tháng cuối năm: Chậm nhất vào ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo kỳ báo cáo.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, đối với những khoản vay còn dư nợ tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Vĩnh Long cho các nhóm đối tượng tại Điều 3 Quy định này được thực hiện điều chỉnh lãi suất theo Quyết định số 2553/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội và hướng dẫn của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.